TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 319/2017/DS-PT
Ngày 18 - 12 - 2017
V/v tranh chấp về dân sự -
Quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Mỹ

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Tấn Tài, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 08/12/2017, ngày 15/12/2017 và ngày 18/12/2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2017/TLPT- DS ngày 03 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "V/v Tranh chấp về dân sự – Quyền sử dụng đất"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2017/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 290/2017/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Tiêu Kim X, sinh năm 1956 (có mặt).
Địa chỉ: số nhà 304/2, ấp H, xã L, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.
- Bị đơn: 1. Nguyễn Thị K, sinh năm 1943.
2. Nguyễn Văn L, sinh năm 1969.
Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn L: Ông Cao Minh T, sinh năm 1970 (có mặt). Địa chỉ: số nhà 273, khóm S, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền vào ngày 12/10/2016).
3. Nguyễn Thị L1, sinh năm 1952 (có mặt).
Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Bà Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1971;
2. Anh Võ Minh T1, sinh năm 1991;
3. Anh Trần Đức T2, sinh năm 1995;

4. Bà Lê Thị T3, sinh năm 1964;

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Ngọc N, anh Võ Minh T1, anh Trần Đức T2 và bà Lê Thị T3: Ông Cao Minh T, sinh năm 1970 (có mặt). Địa chỉ: số nhà 273, khóm S, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền vào ngày 05/12/2016).

5. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1948.

6. Ông Nguyễn Trí T4, sinh năm 1972.

7. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1973.

8. Anh Nguyễn Trung H, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Trí T4, ông Nguyễn Văn P và anh Nguyễn Trung H1: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1952 (có mặt). Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền vào ngày 30/11/2017).

- Người kháng cáo: Bà Tiêu Kim X là nguyên đơn của vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 10/11/2011, ngày 23/4/2012; Đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/9/2012 và ngày 22/9/2016 của bà Tiêu Kim X, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bà X trình bày:

Nguồn gốc phần đất thửa 682, tờ bản đồ số 1a, diện tích 830m^2, loại đất CDK, do bà Tiêu Kim X chuyển nhượng của hộ ông Nguyễn Văn T5 vào năm 1999. Sau khi nhận chuyển nhượng diện tích đất trên, bà X đưa đất này hùn kinh doanh với Doanh nghiệp tư nhân B của ông Nguyễn Tấn L1. Đến năm 2006, giữa bà Xuyến và ông L1 có tranh chấp hợp đồng hùn vốn, thuê quyền sử dụng đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích đất này. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã giải quyết bằng Bản án dân sự phúc thẩm số 439/2006/DSPT, ngày 29/9/2006, kết quả giải quyết của Bản án phúc thẩm là công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cho bà X đối với diện tích đất 830m^2 (đo đạc thực tế 612m^2) tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện C, do bà X đứng tên quyền sử dụng đất. Ngày 29/7/2008 khi cơ quan Thi hành án dân sự huyện C đã thi hành bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, tiến hành giao đất cho bà X. Tại thời điểm giao đất, trên diện tích đất này có căn nhà tạm của bà Nguyễn Ngọc N chiều ngang 3m, chiều dài 4m. Hai bên có thỏa thuận: bà X hỗ trợ cho bà N số tiền 2.000.000 đồng để bà N di dời căn nhà trả lại đất cho bà X. Bà N nhận tiền và đã dỡ nhà xong.

Tuy nhiên, sau đó bà N lại xây dựng lấn chiếm thêm, hiện nay căn nhà trước đây có diện tích đo đạc thực tế là 40,9m^2, nằm trong phạm vi các mốc 5, 6, 7, 8, 12, 13, 5 theo sơ đồ đo đạc do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất lập ngày 02/01/2017. Trong quá trình sử dụng đất, gia đình ông L cất nhà sử dụng trên diện tích đất thửa 507 do bà Nguyễn Thị K đứng tên quyền sử dụng đất.

Sau khi cơ quan Thi hành án dân sự huyện C thi hành bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, ông L cất thêm một căn nhà hiện nay qua đo đạc có

diện tích 34m^2 lấn chiếm đất của bà Xuyến nên bà X yêu cầu hộ ông L di dời nhà trả lại diện tích đất này cho bà.

Đồng thời, gia đình bà L thấy đất của bà X trống nên cất nhà lấn chiếm diện tích đất qua đo đạc thực tế 86,7m^2 cất nhà ở.

Nay bà Tiêu Kim X yêu cầu:

- Hộ bà Nguyễn Thị L di dời nhà trả lại cho bà Xuyến diện tích đất đã lấn chiếm là 86,7m^2, nằm trong phạm vi các mốc 1, 2, 5, 13, 14, theo sơ đồ đo đạc ngày 02/01/2017, hiện do bà Nguyễn Thị L đứng tên quyền sử dụng đất thửa số 858.

- Hộ bà Nguyễn Thị K và những người trong nhà ông Nguyễn Văn L1 di dời nhà trả lại diện tích đất lấn chiếm 40,9m^2, nằm trong phạm vi các mốc 5, 6, 7, 8, 12, 13, 5 và trả lại diện tích đất lấn chiếm 34m^2 nằm trong phạm vi các mốc 8, 9, 10, 11, 12, 8 theo sơ đồ đo đạc ngày 02/01/2017, hiện thuộc thửa 507 do hộ bà Nguyễn Thị K đứng tên quyền sử dụng đất.

Bà X không yêu cầu đối với căn nhà của bà K và nhà bà Võ Thị B1 hiện nay bà H2 đang đứng tên quyền sử dụng đất như trước đây đã yêu cầu.

* Tại các lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn L1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ủy quyền cho ông Cao Minh T trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất bà X tranh chấp với bà K, ông L1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là của bà Nguyễn Thị K được ông bà để lại. Đất thuộc thửa 507, tờ bản đồ số 1a, do bà Nguyễn Thị K đứng tên quyền sử dụng đất. Bà Kiền có cho bà X1 ở nhờ trên đất từ trước khi bà X mua đất của ông T5. Bà X1 chết các con của bà X1 là ông L1 và những người trong hộ ông L1 tiếp tục ở trên đất của bà K và việc này được UBND huyện C xác định. Ngoài ra, diện tích đất của bà X và diện tích đất của bà K có hai Bản án sơ thẩm và phúc thẩm xét xử giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà K với bà B1 và bà L; giữa bà X với ông Nguyễn Tấn L1. Các bản án dân sự có hiệu lực pháp luật đều được xét xử vào năm 2006, sau đó đã được thi hành án.

Năm 2006, khi Tòa án các cấp giải quyết các tranh chấp nói trên, đã có nhà của bà X1 (hiện ông L1 đang quản lý và sử dụng), nhưng hai bản án đều không thể hiện có nhà của bà X1 nằm trên diện tích đất của bà X. Do đó, bà X cho rằng ông hộ Nguyễn Văn L1 chiếm đất của bà để cất nhà là không có căn cứ. Vì vậy, hộ ông Nguyễn Văn L1 không đồng ý di dời nhà trả đất theo yêu cầu của bà X.

* Theo bản nêu ý kiến vào ngày 19/10/2016 của bà Nguyễn Thị L, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bà L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ủy quyền cho bà L trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất mà bà X tranh chấp với bà L là do bà L chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T5 vào năm 1980 và gia đình bà L đã ở trên đất từ năm 1980 cho đến nay. Vào năm 2006, bà K có tranh chấp với bà L diện tích đất nói trên, vì bà K cho rằng bà L ở nhờ trên đất của bà K và đòi lại đất. Trong nội dung của vụ án này có thể hiện trên phần đất bà K tranh chấp với bà L đã có căn nhà kiên cố của gia đình bà L cất vào năm 1997. Tòa án hai cấp đã xét xử chấp nhận cho bà L được sử dụng diện tích đất 82m^2 (nay đo đạc thực tế là 86,7m^2)

và buộc bà L phải trả giá trị đất cho bà K. Sau khi bà L thi hành xong bản án nói trên, bà L đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa số 858, tờ bản đồ số 1a theo bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Nay bà Tiêu Kim X yêu cầu hộ bà L di dời nhà trả lại diện tích đất là 86,7m^2 là không có căn cứ, bà L không đồng ý.

* Tại Quyết định bản án sơ thẩm số 29/2017/DS – ST, ngày 27/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Tiêu Kim X về việc yêu cầu hộ bà Nguyễn Thị L trả diện tích đất 86,7m^2; hộ bà Nguyễn Thị K và hộ ông Nguyễn Văn L1 trả diện tích đất tổng cộng 74,9m^2 (vị trí đất theo sơ đồ đo đạc ngày 02/01/2017).

2. Về án phí, lệ phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Tiêu Kim X phải chịu án án phí 7.272.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng: 3.575.000đ theo các biên lai thu số: 009618 ngày 16/5/2012 ; số: 009869 ngày 29/10/2012 và số: 10639 ngày 10/4/2017 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện C. Bà X còn phải nộp tiếp 3.697.000đ án phí.

- Chí phí thẩm định, định giá bà Tiêu Kim X phải chịu và đã nộp xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 08/8/2017, bà Tiêu Kim X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Tiêu Kim X là nguyên đơn của vụ án kháng cáo bản án sơ thẩm. Bà X yêu cầu hộ bà Nguyễn Thị L di dời nhà trả cho bà X diện tích đất là 86,7m^2 và yêu cầu hộ bà Nguyễn Thị K cùng hộ ông Nguyễn Văn L1 di dời nhà trả cho bà X diện tích đất tổng cộng là 74,9m^2.

Bà Nguyễn Thị L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong gia đình của bà L không đồng ý di dời nhà trả cho bà X diện tích đất là 86,7m^2 vì hộ bà L sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của hộ bà Nguyễn Thị L.

Bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn L1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong gia đình của ông L1, có ông Cao Minh T đại diện theo ủy quyền không đồng ý di dời nhà trả cho bà Xuyến diện tích đất là 74,9m^2 vì hộ ông L1 và bà K sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của hộ bà Nguyễn Thị K.

Qua chứng cứ thể hiện tại hồ sơ và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa cho thấy:

[1] Nguồn gốc đất của bà Tiêu Kim X là do chuyển nhượng từ hộ ông Nguyễn Văn T5 vào năm 1999, diện tích là 830m^2, đất tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Theo bà X trình bày, diện tích đất 830m^2 do bà X chuyển nhượng được địa chính xã tiến hành đo đạc vào ngày 05/10/1999, có lập biên bản và xác nhận tứ cận. Tuy nhiên, theo đo đạc thực tế vào ngày 31/8/2005

để xem xét và giải quyết vụ án tranh chấp giữa bà Tiêu Kim X và ông Nguyễn Tấn L1 thì diện tích đất của bà X chỉ còn lại 612m^2. Diện tích đất còn lại là 612m^2 này được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xem xét và công nhận bằng Bản án dân sự phúc thẩm số 439/2006/DS-PT ngày 29/9/2006. Trong quá trình Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xem xét và giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, cũng như sau khi Tòa án đã xét xử phúc thẩm, bà X không có ý kiến, khiếu nại về diện tích đất nói trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà X thừa nhận: từ năm 2005 cho đến năm 2012 khi bà X bắt đầu khởi kiện, bà X đã thống nhất diện tích đất của bà còn lại là 612m^2 và vị trí đất không thay đổi.

[2] Bà Xuyến tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hộ bà Nguyễn Thị L trả cho bà diện tích đất là 86,7m^2; Yêu cầu hộ bà Nguyễn Thị K cùng hộ ông Nguyễn Văn L1 trả cho bà diện tích đất tổng cộng là 74,9m^2. Bà X cho rằng, diện tích đất của bà từ khi chuyển nhượng của ông T5 là đất trống, hộ bà L, hộ bà K và hộ ông L1 đã cất nhà lấn chiếm đất của bà.

Tuy nhiên, bà X không trình bày và chứng minh được hộ bà L, hộ bà K và hộ ông L1 lấn chiếm vào thời gian nào, lấn chiếm cụ thể ra sao, diện tích cụ thể gồm chiều ngang, chiều dài đất bị lấn chiếm. Về căn cứ pháp lý, bà X không chứng minh được các diện tích đất mà bà tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà. Bà X xác định diện tích đất thuộc quyền sử dụng của bà được thể hiện tại các vị trí mốc A, B, 1, 14, 13, 12, 11, 10, 9 và A nhưng việc xác định của bà X không phù hợp với các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ như sau:

+ Bản án dân sự phúc thẩm số 439/2006/DS-PT ngày 29/9/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giữa bà Tiêu Kim X và ông Nguyễn Tấn L1.

+ Biên bản giao, nhận quyền sử dụng đất vào ngày 29/7/2008 của cơ quan Thi hành án dân sự huyện C.

+ Biên bản đo đạc thực địa ngày 25/8/2005 có sự tham gia của Tòa án nhân dân huyện C.

+ Sơ đồ hiện trạng khu đất vào ngày 31/8/2005 được xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C.

+ Bản án dân sự phúc thẩm số 452/2006/DS-PT ngày 24/10/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giữa bà Nguyễn Thị K và bà Lê Thị B1, bà Nguyễn Thị L.

+ Biên bản đo đạc ngày 03/4/2006 kèm theo Biên bản đo đạc thực địa của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị L đã xuất trình chứng cứ thể hiện: phần diện tích đất của bà L giáp ranh với đất của bà X được xác định bằng căn nhà có vách tường của bà L được cất vào năm 1997, trước thời gian bà X chuyển nhượng đất với ông T5. Với chứng cứ này thì hộ bà L không thể nào lấn chiếm đất của bà X với chiều ngang là 4,67 mét. Chứng cứ do bà L xuất trình phù hợp với lời trình bày của bà Tiêu Kim X tại Biên bản lấy lời khai vào ngày 18/6/2012 của Tòa án nhân dân huyện C.

Và khi cơ quan Thi hành án dân sự huyện C giao cho bà X diện tích đất 612m^2 vào ngày 29/7/2008 theo Bản án dân sự phúc thẩm số 439/2006/DS-PT ngày 29/9/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giữa bà Tiêu Kim X và

ông Nguyễn Tấn L1, bà X có mặt và nhận đất không phát hiện trên diện tích đất giao cho bà X có phần nhà của hộ bà K, hộ ông L1 và hộ bà L. Bà X đã nhận diện tích đất do cơ quan Thi hành án dân sự huyện C giao, không có ý kiến gì về diện tích đất bị thiếu hoặc bị các hộ đang có tranh chấp lấn chiếm và bà cũng không có ý kiến về ranh đất với các bên.

Bên cạnh đó, tại phiên tòa phúc thẩm thì bà X không thể giải thích được vì sao diện tích đất của bà theo đo đạc thực tế vào ngày 02/01/2017 chỉ thiếu diện tích 40,8m^2 nhưng khi tranh chấp, bà X lại yêu cầu hộ bà L, hộ bà K và hộ ông L1 trả lại cho bà tổng diện tích đất là 161,6m^2.

[3] Trong quá trình Tòa án xem xét và giải quyết tranh chấp, bà X là nguyên đơn của vụ án nhưng bà X không thống nhất lời trình bày về nội dung của vụ án cũng như chứng cứ mà bà đã xuất trình.

Có khi thì bà X trình bày: bà tranh chấp ranh đất với các bị đơn do đất của bà bị các hộ bà L, bà K, ông L1 cất nhà lấn chiếm. Có khi thì bà X xác định diện tích đất của bà bị thiếu 218m^2 (do đất của bà được cấp quyền sử dụng đất là 830m^2) do các hộ lấn chiếm: bà N lấn chiếm 34m^2, bà K lấn chiếm 40,8m^2, bà L lấn chiếm 1,4m^2….

Tuy nhiên, khi xem xét, đánh giá chứng cứ có tại hồ sơ và do các bên đương sự xuất trình thì diện tích đất của bà X bị thiếu 40,8m^2 nhưng không do bên bị đơn lấn chiếm mà do thủy phá, là điều kiện khách quan trong quá trình quản lý và sử dụng đất của bà X.

[4] Qua Công văn số 412/TN&MT-ĐĐ ngày 20/5/2013 của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện C về việc cung cấp thông tin theo yêu cầu tại Công văn số 48/CV-TA ngày 09/5/2013 của Tòa án nhân dân huyện C có nội dung: *"Qua kiểm tra đối chiếu bản đồ địa chính và số đo khi lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì đất của bà Tiêu Kim X đã bị thủy phá vào trên 14m (trước đây phần đất của bà Xuyến ngang với phần đất hiện hữu của cơ sở lau bóng gạo Phương T6).*

Do vậy, phần đất có nhà ở của các ông L1, N, P là thuộc thửa đất của hộ bà Nguyễn Thị K".

Với nội dung xác nhận nói trên cho thấy diện tích đất của bà X qua đo đạc thực tế bị thiếu là do diện tích đất giáp sông S đã bị thủy phá. Điều này có nghĩa là, diện tích đất của bà X bị thiếu không phải do phía hộ bà L, hộ bà K và hộ ông L1 lấn chiếm.

Bà X kháng cáo bản án sơ thẩm. Bà X có đưa ra những tài liệu, chứng cứ để chứng minh nhưng tài liệu, chứng cứ do bà X xuất trình không phải là chứng cứ pháp lý để chứng minh cho yêu cầu của bà là có căn cứ.

Từ những nhận xét nói trên, Hội đồng xét xử xét thấy: bà Tiêu Kim X kháng cáo yêu cầu hộ bà Nguyễn Thị L trả lại cho bà Xuyến diện tích đất là 86,7m^2; hộ bà Nguyễn Thị K và hộ ông Nguyễn Văn L1 trả lại cho bà X diện tích đất tổng cộng là 74,9m^2 là không có căn cứ, không phù hợp nên không chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà X phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 148, Điều 300 và Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 189 và Điều 190 của Bộ luật dân sự;

Điều 166, Điều 168, Điều 170 và Điều 203 của Luật đất đai 2013;

Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Tiêu Kim X.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 29/2017/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện C.

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Tiêu Kim X về việc yêu cầu hộ bà Nguyễn Thị L trả lại cho bà Xuyến diện tích đất là 86,7m^2; hộ bà Nguyễn Thị K và hộ ông Nguyễn Văn L1 trả lại cho bà Xuyến diện tích đất tổng cộng là 74,9m^2 (vị trí đất theo sơ đồ đo đạc ngày 02/01/2017).

2. Về án phí, chi phí tố tụng:

- Bà Tiêu Kim X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.272.000 đồng (Bảy triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng là 3.575.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 009618 ngày 16/5/2012 (số tiền 200.000 đồng); Biên lai số 009869 ngày 29/10/2012 (số tiền 1.800.000 đồng) và biên lai số 10639 ngày 10/4/2017 (số tiền 1.575.000 đồng) tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện C. Như vậy, bà X còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 3.697.000 đồng (Ba triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

- Toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, bà Tiêu Kim X phải chịu và đã nộp xong.

Bà Tiêu Kim X phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 12034, ngày 08/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND H.C;
- Chi cục THADS H.C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Liên Hiệp